TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2024/DS-PT
Ngày: 10/6/2024
V/v tranh chấp: "Di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hải.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Ông **Trần Hữu Tính**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Phong**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 386/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1946 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của ông Cứng: **Nguyễn Thị Lan T1**, sinh năm 1972 (có mặt).
Địa chỉ: Số 184/13 Â, Phường P, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.
***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
3.1. **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1956 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 5/16 Võ Trứ, Phường Q, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
3.2. **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1959 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Đinh Kiều Thị Mỹ L**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Y, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ số 61, cầu X, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.4. **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. **Đào Thị Tuyết N**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

3.6. **Đào Minh T2**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.7. **Đào Minh S**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

3.8. **Đào Thị Kim C**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

3.9. **Nguyễn Thanh T3**, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã B, thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của **Đào Minh S, Đào Minh T2, Đào Thị Kim C**: **Đào Thị Tuyết N**, sinh năm 1972 (có mặt

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Văn C1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị M là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Cha mẹ bà M là cụ Nguyễn Văn B1, sinh năm 1922 (mất năm 1994) và cụ Võ Thị B2, sinh năm 1928 (mất năm 2020), cụ B1 và cụ B2 có 09 người con gồm: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945 (mất năm 2018) có chồng tên Đào Văn H, sinh năm 1942, các con tên Đào Minh T1, sinh năm 1966, Đào Minh S, sinh năm 1967, Đào Thị Kim C, sinh năm 1968, Đào Thị Tuyết N, sinh năm 1972 và Đào Minh H, sinh năm 1970 (mất tháng 02/2015) không có vợ con; Nguyễn Văn C, sinh năm 1949 (mất năm 1971) có vợ tên Hồ Thị L, sinh năm 1940 và con Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964; Nguyễn Văn C2, sinh năm 1955; Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; Nguyễn Văn C1, sinh năm 1965; Nguyễn Thị X, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị M, sinh năm 1969.

Ngày 31/10/2020 cụ B1 mất không để lại di chúc và có để lại di sản gồm: 01 căn nhà chữ đinh ba gian, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 trên thửa đất 344 do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017, hiện do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý và thửa đất số 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 đất lúa, tại ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016, hiện do ông Nguyễn Văn C1 đang

quản lý.

Bà M yêu cầu ông Nguyễn Văn C2 chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa đất 344 và thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 thành 09 phần. Bà M yêu cầu được nhận giá trị nhà theo giá của Hội đồng định giá (tạm tính khoảng 50.000.000 đồng) và nhận hiện vật đối với thửa đất 344 là phần đất diện tích 178,9m^2.

Bà M yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 727, diện tích 5.065,1m^2 thành 09 phần. Bà M yêu cầu được nhận hiện vật diện tích 562,79m^2.

Tại biên bản hòa giải và các lời trình bày tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn C1 là bà Nguyễn Thị Lan T trình bày:

Bà thống nhất với nhân thân của cụ Bì và cụ B1 như Bà M đã trình bày, hiện tại ông C1 đang quản lý thửa đất 727, diện tích 5.065,1m^2, đất đang trồng dừa và chuối; đối với thửa đất số 344, diện tích 1.610,3m^2 cùng căn nhà trên đất thì ông C1 đang quản lý cùng ông C2 do ông C2 đang sống ở chùa.

Đối với hai thửa đất đang tranh chấp trước đây do ông C1 đứng tên, vào năm 1992 khi ông C1 đi nghĩa vụ về thì có làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 527 (dã tách thành 727 và 728) và thửa 344. Năm 2016 ông C1 cưới vợ, các chị em gái yêu cầu ông C1 sang đất lại cho cụ B1, ông C1 chỉ ký sang tên cho cụ B1 một lần nhưng không hiểu lý do vì sao trong hồ sơ sang tên cho cụ B1 năm 2016 và năm 2017 nhưng ông C1 là người quản lý đất, ông C1 là người nuôi cụ B1 khi cụ B1 già đến mất.

Đối với thửa đất 344 có căn nhà trên đất và thửa đất 727 hiện tại vẫn do cụ B1 đứng tên và ông C1 quản lý thửa đất 727 và cùng ông C2 quản lý thửa đất 344 có căn nhà trên đất.

Nay ông C1 không đồng ý đối với yêu cầu chia thừa kế của Bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với thửa đất 727 vì năm 2016 các chị em của ông C1 đàn áp, ép buộc và tự thuê người đến buộc ông C1 sang tên đất cho cụ B1, cụ B1 không còn minh mẫn vào thời điểm năm 2016. Sau khi ông C1 lập gia đình hơn 02 tuần do các chị em đòi chia đất nên ông C1 có nói với các chị em ai yêu cầu chia đất thì ông C1 sẽ trực tiếp sang cho chứ sang qua cụ B1 rồi sang qua các chị em tốn thuế nhưng các chị em không đồng ý. Bà N có kêu ông C1 sang tên cho cụ B1 rồi bà N sẽ làm ủy quyền đất lại cho ông C1 nhưng ông C1 không chịu. Khi ông C1 ký tên sang tên đất qua cụ B1 thì ông C1 không giữ giấy tờ gì cả kể cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thì bà N là người giữ trực tiếp. Đến 30/9/2022 thì bà N yêu cầu ông C1 chia đất cho các chị em gái nhưng lại không đồng ý ký tên sang đất phần còn lại cho ông C1 nên đã phát sinh tranh chấp thừa kế hôm nay và ông C1 đòi bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N mới trả.

Ông C1 không đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất 727. Đối với ý kiến bà N chia lại cho ông C1 ½ trong 1/9 kỷ phần thừa kế tại thửa 727 mà bà N được nhận thì ông C1 không nhận.

Ông C1 không đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất 344 và nhà thờ trên đất, ông C1 không đồng ý ông C2 là người trực tiếp quản lý thửa 344 mà quyền phân chia là của ông Cứng.

Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì ông C1 yêu cầu hàng thừa kế phải hoàn lại giá trị cây trồng cho ông C1 trên đất tại thửa đất 727.

Tại tờ tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn C2trình bày:

Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gắn liền với nhà ở tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là nơi ông đang ở và thờ phụng tổ tiên cửu quyền, ông không đồng ý phân chia thừa kế.

Thửa đất số cũ 527, số mới 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang là nơi em trai ông Nguyễn Văn C1 , sinh năm 1965 ở từ xưa đến nay, canh tác nghề nông lo kinh tế nuôi cha mẹ già, cất ngôi nhà khang trang cho cha mẹ và ông ở tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang cúng giỗ tổ tiên, cửu quyền nên ông không đồng ý phân chia thừa kế

Tại đơn khởi kiện độc lập và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D là chị Đinh Thị Kiều Mỹ L trình bày:

Bà D thống nhất với nhân thân của cụ Nguyễn Văn B2 và cụ Nguyễn Thị B1 như đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M đã trình bày và thống nhất di sản cụ B1 để lại sau khi mất năm 2020 và không để lại di chúc gồm: 01 căn nhà chữ đinh ba gian, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 trên thửa đất 344 do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017, hiện do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý và thửa đất số 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 đất lúa, tại ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016, hiện do ông Nguyễn Văn C1đang quản lý.

Bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn C2chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa đất 344, thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 thành 09 phần. Bà D yêu cầu được nhận giá trị nhà theo giá của Hội đồng định giá (tạm tính khoảng 50.000.000 đồng) và nhận hiện vật là phần đất diện tích 178,9m^2.

Bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 727, diện tích 5.065,1m^2 thành 09 phần. Bà D yêu cầu được nhận hiện vật diện tích 562,79m^2.

Tại đơn khởi kiện độc lập và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N thống nhất với nhân thân của cụ Nguyễn Văn Bì và cụ Nguyễn Thị B1 như đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M đã trình bày và thống nhất di sản cụ B1 để lại sau khi mất năm 2020 và không để lại di chúc gồm: 01 căn nhà chữ đinh ba gian, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 trên thửa đất 344 do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017, hiện do ông

Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 đất lúa, tại ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016, hiện do ông Nguyễn Văn C1 đang quản lý.

Bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn C2 chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa đất 344, thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 thành 09 phần. Bà N yêu cầu được nhận giá trị nhà theo giá của Hội đồng định giá (tạm tính khoảng 50.000.000 đồng) và nhận hiện vật là phần đất diện tích 178,9m^2. Bà N tặng cho ông Nguyễn Văn C2 toàn quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất bà N được hưởng để dùng vào việc thờ cúng.

Bà N yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 727, diện tích 5.065,1m^2 thành 09 phần. Bà N yêu cầu được nhận hiện vật diện tích 562,79m^2. Bà N tặng cho ông Nguyễn Văn C1và bà Nguyễn Thị M mỗi người 50% diện tích đất mà bà N được hưởng.

Tại đơn yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đẹp trình bày:

Bà Đ thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn C2 chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa đất 344, thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 thành 09 phần. Bà Đ yêu cầu được nhận giá trị nhà theo giá của Hội đồng định giá (tạm tính khoảng 50.000.000 đồng) và nhận hiện vật là phần đất diện tích 178,9m^2.

Bà Đ thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn C1chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 727, diện tích 5.065,1m^2 thành 09 phần. Bà Đ yêu cầu được nhận hiện vật diện tích 562,79m^2.

Bà Đ tặng toàn bộ kỷ phần được hưởng cho bà Nguyễn Thị X , bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị D.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bà M đã trình bày về nhân thân của cụ Bì, cụ B1 và thống nhất di sản cụ B1 để lại sau khi mất năm 2020 và không để lại di chúc gồm: 01 căn nhà chữ đinh ba gian, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 trên thửa đất 344 do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gồm đất ở và dất trồng cây lâu năm, tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017, hiện do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 đất lúa, tại ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016, hiện do ông Nguyễn Văn C1đang quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M chia di sản của cụ B1 để lại bà yêu cầu được chia 1/9 kỷ phần thừa kế thửa đất 727, diện tích 562,79m^2. Bà không tranh chấp với căn nhà và thửa đất 344, trong trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế nhà và thửa đất 344 thì kỷ phần bà được nhận bà giao lại cho ông Nguyễn

Văn C2.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Tuyết N trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bà M đã trình bày về nhân thân của cụ Bì, cụ B1. Chị là con của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945 (đã mất năm 2018), bà Đáng có chồng tên Đào Văn H, sinh năm 1942 các con tên Đào Minh T2 , sinh năm 1966, Đào Minh S , sinh năm 1967, Đào Thị Kim C , sinh năm 1968, Đào Thị Tuyết N , sinh năm 1972 và Đào Minh H, sinh năm 1970 (mất tháng 02/2015) không có vợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M chia di sản của cụ B1 để lại chị yêu cầu được chia 1/9 kỷ phần thừa kế thửa đất 727 nhận bằng hiện vật.

Chị không tranh chấp với căn nhà và thửa đất 344, trong trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế nhà và thửa đất 344 thì kỷ phần chị được nhận chị tạm giao lại cho ông Nguyễn Văn C2 quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Minh T2 , anh Đào Minh S, chị Đào Thị Kim C trình bày:

Các anh chị là con của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945, mất năm 2018 và bà Đ là con của cụ Nguyễn Văn B2, sinh năm 1922 (mất năm 1994) và cụ Võ Thị B1, sinh năm 1928, mất năm 2020.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M chia di sản của cụ B1 để lại gồm: 01 căn nhà chữ đinh ba gian, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 trên thửa đất 344 do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 344, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.610,3m^2 gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm, tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017, hiện do ông Nguyễn Văn C2 đang quản lý; thửa đất số 727, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.065,1m^2 đất lúa, tại ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Võ Thị B1 theo hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016, hiện do ông Nguyễn Văn C1đang quản lý.

Bà M yêu cầu ông C2 và ông C1 chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà trên thửa đất 344, thửa đất 344, thửa đất 727 thành 09 phần.

Anh T1, anh S, chị C trình bày ý kiến như sau: Đối với kỷ phần của bà Đ được nhận tại thửa đất số 727 anh T1, anh S, chị C đồng ý để cho chị Đào Thị Tuyết N được toàn quyền quản lý, sử dụng. Đối với thửa đất 344 và căn nhà trên đất anh T1, anh S, chị C không tranh chấp, thống nhất với ý kiến của chị Đào Thị Tuyết N đã trình bày tại Tòa án.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T3 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bà M đã trình bày về nhân thân của cụ Bì, cụ B1. Anh là con của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949 (đã mất năm 1971), ông C có vợ tên Hồ Thị L, sinh năm 1940 và con là anh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà M chia di sản của cụ B1 để lại anh yêu cầu được chia 1/9 kỷ phần thừa kế thửa đất 727.

Anh không tranh chấp với căn nhà và thửa đất 344, trong trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế nhà và thửa đất 344 thì kỷ phần anh được nhận anh tạm giao lại cho ông Nguyễn Văn C2 quản lý, sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm 386/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 188, Điều 195 Luật đất đai.

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu công nhận quyền sở hữu chung của hàng thừa kế đối với thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất.

Công nhận thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn C2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị X , bà Nguyễn Thị M, anh Đào Minh T2 , anh Đào Minh S , chị Đào Thị Kim C , chị Đào Thị Tuyết N , anh Nguyễn Thanh T .

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn C2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 727 diện tích 5.065,1m^2 đất lúa địa chỉ ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01300 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016 cho cụ Võ Thị B1 như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị M diện tích 928,6m^2. Bà M có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 28.337.000 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị D diện tích 675,3m^2. Bà D có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 28.339.000 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị X diện tích 675,3m^2. Bà Xứng có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 21.396.000 đồng.

Chia cho chị Đào Thị Tuyết N diện tích 506,5m^2. Chị Nhung có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 20.362.000 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Thanh T diện tích 506,5m^2. Anh Tân có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 15.012.000 đồng.

Tạm giao ông Nguyễn Văn C1 được quyền quản lý kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C2phần đất diện tích 506,5m^2.

Chia cho ông Nguyễn Văn C1 diện tích 1.266,3m^2.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị X , chị Đào Thị Tuyết N , anh Nguyễn Thanh T không trả số tiền trên thì hàng tháng Bà M, bà D, bà X, chị N, anh T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị N số tiền 75.990.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn C1 không trả số tiền trên thì hàng tháng ông C1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Các đương sự được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C1 , bà Nguyễn Thị X , bà Nguyễn Thị M, anh Đào Minh T2 , anh Đào Minh S , chị Đào Thị Kim C , chị Đào Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 9.014.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026758 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T, nên Bà M phải nộp tiếp số tiền 7.414.350 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 8.667.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Đào Thị Tuyết N phải chịu 8.615.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Thanh T phải chịu 8.348.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 15.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 02/10/2023 bị đơn Nguyễn Văn C1 , người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Thị Lan T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.*

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn C1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T hoặc bác

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị M và yêu cầu khởi kiện độc lập của Nguyễn Thị N , Nguyễn Thị Dưỡng, Nguyễn Thị X , Đào Thị Tuyết N , Đào Minh T2 , Đào Minh S , Đào Thị Kim C .

- Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Bà M là bà D bỏ ra ngoài không tham dự phiên tòa; Bà M trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Đào Thị Tuyết N , Nguyễn Minh T trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn giữ nguyên bản án số 386/2023/DSST ngày 29/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "Di sản thừa kế" thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C1 đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C1 . Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1: Theo công văn số 1484/CAH-QLHC ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Công an nhân dân huyện Gò Công Tây (bút lục số 130) và quá trình tố tụng thì xác định được nhân thân cụ Võ Thị B1, sinh năm 1928 (mất năm 2020) có cha tên Trần Văn N (mất năm 1990) và mẹ tên Trần Thị S (mất năm 2000), chồng là Nguyễn Văn B1, sinh năm 1922 (mất năm 1994) và các con là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945 (mất năm 2018); ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949 (mất năm 1971, ông Cu có vợ tên Hồ Thị L, sinh năm 1940 và con Nguyễn Thanh T , sinh năm 1964); ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; ông Nguyễn Văn C1 , sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị X , sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945 (mất năm 2018) có chồng tên Đào Văn H, sinh năm 1942 và các con tên Đào Minh T2 , sinh năm 1966, Đào Minh S , sinh năm 1967, Đào Thị Kim C , sinh năm 1968, Đào Minh H, sinh năm 1970 (mất tháng 2/2015) không có vợ, con và Đào Thị Tuyết N , sinh năm 1972.

Do bà Đ và ông C mất trước cụ B1 nên kỷ phần thừa kế của bà Đ và ông C do người thừa kế thế vị của bà Đ và ông C nhận. Như vậy, kỉ phần thừa kế của cụ B1 được chia làm 09 phần cho người thừa kế thế vị của bà Đ (là anh T, chị C, chị N); người thừa kế thế vị của ông C (là anh T); ông C2; bà N ; bà D; bà Đ; ông C1; bà X và Bà M.

[2.2] Về di sản thừa kế do cụ B1 để lại được xác định như sau: Cụ B1 mất năm 2020 không để lại di chúc và có để lại di sản gồm 01 căn nhà trên thửa đất số 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 (bút lục số 49); thửa đất số 727 diện tích 5.065,1m^2 đất lúa địa chỉ ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01300 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016 cho cụ Võ Thị B1 (bút lụt số 53).

Phía bị đơn ông C1 cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất là bị ép buộc không ý chí của ông C1. Tuy nhiên, tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở thửa số 344, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thửa đất tại Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (bút lục số 46 – 47) và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số thửa 556 (tách thành hai thửa mới là thửa 727 và thửa 728), tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất tại ấp An Ninh, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây (bút lục 50 – 52) đều thể hiện ý chí ông Nguyễn Văn C1đồng ý tặng cho các thửa đất nêu trên cho cụ Võ Thị B1. Về nguồn gốc đất tranh chấp là do của ông bà để lại và cụ Nguyễn Văn B2 đã đăng ký kê khai trong sổ mục kê 299 (bút lục 213 – 219). Vì vậy cấp sơ thẩm xác định phần đất thuộc thửa phần đất ở thửa 344 và 727 là di sản thừa kế do cụ B1 để lại là có căn cứ.

Bà Lan T là đại diện theo ủy quyền của ông C1 cho rằng căn nhà trên phần đất thửa 344 là do ông C1 xây dựng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông C1 là người xây dựng căn nhà, cụ B2 và cụ B1 là người trực tiếp xây dựng căn nhà và đã sinh sống trên căn nhà này trực tiếp nên cấp sơ thẩm xác định căn nhà trên thửa có căn nhà diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 là di sản của cụ B1 để lại là có căn cứ.

[2.3] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 thể hiện thửa đất 344 có diện tích thực tế là 1.601,7m^2 và trên đất có căn nhà diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2, 01 nhà tắm diện tích 5,33m^2, 02 hồ nước tròn thể tích 03m^3/hồ, 01 nhà chứa củi, trên đất có 32 cây dừa. Tại cấp sơ thẩm Bà M yêu cầu công nhận thửa đất 344 và căn nhà trên đất là di sản của cụ B1 và công nhận cho hàng thừa kế đồng sở hữu là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại cấp sơ thẩm các đương sự chỉ yêu cầu công nhận thửa đất 344 có diện tích thực tế là 1.601,7m^2 và trên đất có căn nhà diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 là di sản của cụ B1 để lại,

thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà N , bà Đ, ông C2, ông C1, bà D, bà X, Bà M, anh T, anh Đào Minh T2 , anh S, chị C, chị N và tạm giao ông C2 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 344 cùng căn nhà trên đất. Các đương sự không có yêu cầu chia bằng hiện vật đối với thửa đất số 344, căn nhà diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà M về việc công nhận thửa đất 344 có diện tích thực tế là 1.601,7m^2 và trên đất có căn nhà diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 là di sản của cụ B1 để lại, thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà N , bà Đ, ông C2, ông C1, bà D, bà X, Bà M, anh T, anh Đào Minh T2 , anh S, chị C, chị N và tạm giao ông C2 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất 344 cùng căn nhà trên đất là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 (bút lục 103 – 104) thể hiện thửa đất 727 có diện tích thực tế là 5.065,1m^2 và có căn nhà diện tích 90m^2, 02 mái che diện tích là 8,4m^2, 01 chuồng bò diện tích 29,44m^2, 01 nhà chứa rơm diện tích 18,86m^2, trên đất có 89 cây dừa, ngoài ra còn 31 cây dừa nằm ngoài bờ kênh. Theo biên bản định giá tài sản ngày 01/6/2023 (bút lục 100 – 102) thể hiện giá chuyển nhượng thực tế thửa đất 727 là 300.000 đồng/m^2. Tại cấp sơ thẩm, Bà M, chị Lan, bà X, chị N, anh T thống nhất chia thửa đất 727 thành 10 kỷ phần cho hàng thừa kế 09 kỷ phần và 01 kỷ phần quản lý di sản cho ông C1 nên mỗi kỷ phần tương đương diện tích 506,51m^2. Việc các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất chia thêm cho ông C1 01 kỷ phần ở thửa đất số 272 với diện tích là 506,51 m^2 là công sức quản lý di sản do ông C1 đã bỏ ra.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T có yêu cầu xem xét hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 và đã được cấp sơ thẩm thẩm chấp nhận và buộc Bà M phải hoàn lại cho ông C1 số tiền 28.337.000 đồng, Bà D phải hoàn lại cho ông C1 số tiền 28.339.000 đồng, bà Xứng phải hoàn lại cho ông C1 số tiền 21.396.000 đồng, chị N phải hoàn lại cho ông C1 số tiền 20.362.000 đồng, anh T phải hoàn lại cho ông C1 số tiền 15.012.000 đồng là phù hợp với biên bản thẩm định và biên bản định giá (Bút lục 100 – 104). Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện những chứng cứ khách quan có trong vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C1 .

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 386/2023/DSST ngày 29/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 188, Điều 195 Luật đất đai.

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu công nhận quyền sở hữu chung của hàng thừa kế đối với thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất.

Công nhận thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn C1 , bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị X , bà Nguyễn Thị M, anh Đào Minh T2 , anh Đào Minh S , chị Đào Thị Kim C , chị Đào Thị Tuyết N , anh Nguyễn Thanh T .

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn C2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất 344 diện tích 1.610,3m^2 đất ở + cây lâu năm, địa chỉ Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01302 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000907.TA.001 ngày 25/4/2017 cho cụ Võ Thị B1 và căn nhà có diện tích 125,165m^2, 02 mái che diện tích là 13m^2 và 34m^2 trên đất.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 727 diện tích 5.065,1m^2 đất lúa địa chỉ ấp An N, xã V, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01300 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 19/6/2009, cập nhật hồ sơ đăng ký biến động số 000495.TA.001 ngày 20/9/2016 cho cụ Võ Thị B1 như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị M diện tích 928,6m^2. Bà M có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 28.337.000 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị D diện tích 675,3m^2. Bà D có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 28.339.000 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị X diện tích 675,3m^2. Bà Xứng có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 21.396.000 đồng.

Chia cho chị Đào Thị Tuyết N diện tích 506,5m^2. Chị N có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 20.362.000 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Thanh T diện tích 506,5m^2. Anh T có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông C1 với số tiền 15.012.000 đồng.

Tạm giao ông Nguyễn Văn C1 được quyền quản lý kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C2 phần đất diện tích 506,5m^2.

Chia cho ông Nguyễn Văn C1 diện tích 1.266,3m^2.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị X , chị Đào Thị Tuyết N , anh Nguyễn Thanh T không trả số tiền trên thì hàng tháng Bà M, bà Dưỡng, bà Xứng, chị Nhung, anh Tân phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị N số tiền 75.990.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn C1 không trả số tiền trên thì hàng tháng ông C1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Các đương sự được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4.Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị X , bà Nguyễn Thị M, anh Đào Minh T2 , anh Đào Minh S , chị Đào Thị Kim C , chị Đào Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 9.014.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026758 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T, nên Bà M phải nộp tiếp số tiền 7.414.350 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 8.667.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Đào Thị Tuyết N phải chịu 8.615.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Thanh T phải chịu 8.348.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 15.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn C1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011665 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023- Hải

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải